

Số: 42 /2026/NQ-HĐND

An Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
trên địa bàn tỉnh An Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
43/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 09/2017/QH14, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số
16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số
33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 60/2024/QH15, Luật số
74/2025/QH15, Luật số 89/2025/QH15, Luật số 94/2025/QH15 và Luật số
95/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều
tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở
hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; được sửa đổi, bổ
sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
226/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về
một số điều và biện pháp thi hành Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ
chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất
đai;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng
dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số
106/2021/TT-BTC;*

Xét Tờ trình số 662/TTr-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, miễn, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp lệ phí: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được ủy quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

b) Tổ chức thu lệ phí: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

Điều 2. Mức thu lệ phí

Mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu lệ phí		
			Hộ gia đình, cá nhân		Tổ chức
			Tại các phường và đặc khu Phú Quốc	Tại các xã và các đặc khu còn lại	
I	Cấp giấy chứng nhận lần đầu				
1	Trường hợp chỉ có quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất	Đồng/Giấy chứng nhận	25.000	10.000	100.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu lệ phí		
			Hộ gia đình, cá nhân		Tổ chức
			Tại các phường và đặc khu Phú Quốc	Tại các xã và các đặc khu còn lại	
2	Trường hợp có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Đồng/Giấy chứng nhận	100.000	50.000	500.000
II	Cấp đổi, cấp lại; chứng nhận đăng ký biến động về đất đai				
1	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	Đồng/Giấy chứng nhận	15.000	5.000	20.000
2	Cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận trường hợp có quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất	Đồng/Giấy chứng nhận	20.000	10.000	50.000
3	Cấp đổi; cấp lại giấy chứng nhận trường hợp có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	Đồng/Giấy chứng nhận	20.000	10.000	50.000
III	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	Đồng/Lần	10.000	5.000	20.000

Điều 3. Đối tượng miễn thu lệ phí

Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Khai, thu, nộp lệ phí

1. Người nộp lệ phí thực hiện khai (nếu có), nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.

2. Tổ chức thu lệ phí phải nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

3. Việc khai, thu, nộp, quản lý và quyết toán phí thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 9 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 08 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định về mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa XI, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026. uuu

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các xã, phường, đặc khu;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh An Giang;
- Trang TTĐT Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Thắm